

Bản án số: 254/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 9 – 2023
V/v chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (bổ sung) số: 258/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Diệp Hồng K, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị Kim T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tạ Việt L, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp HH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Diệp Mỹ U, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số nhà 37, đường HG, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà U: Ông Tạ Việt L, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp HH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của bà U (Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023 - có mặt).

3. Ông Huỳnh Hoàng H, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Ông Diệp Văn H, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Bà Trần Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Ban quản lý rừng phòng hộ ĐD; địa chỉ trụ sở: Ấp CT, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Diệp Hồng K trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 11/4/2023:

Về tài sản chung:

Năm 2014, ông có mua của bà Diệp Thị T một phần đất rừng phòng hộ diện tích 9.974m² thuộc ấp HP, xã NH, huyện ĐD với giá 120.000.000 đồng, được Ban quản lý rừng phòng hộ ĐD giao khoán cho ông vào ngày 20/12/2014.

Năm 2016, ông có cất một căn nhà xây tường, lợp tol ngang 7,2m; dài 6,3m và một mái chiều ngang 09m, dài 06m với tổng số tiền 350.000.000 đồng, căn nhà được cất trên phần đất của cha mẹ ông là ông Diệp Văn H và bà Trần Thị L. Hiện tài sản này còn khoảng 50% giá trị sử dụng là 175.000.000đ.

Ông yêu cầu chia đôi số tài sản trên và yêu cầu được nhận tài sản, đồng ý giao ½ giá trị cho bà T.

Về nợ chung: Nợ bà Trần Thị L 70.000.000đ, ông Huỳnh Hoàng H 15 chỉ vàng 24k, bà Diệp Mỹ U 105.000.000đ, ông Tạ Việt L 25.000.000đ. Tổng số nợ là 200.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k. Ông yêu cầu cùng bà T mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

Bà Lương Thị Kim T trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 11/4/2023:

Về tài sản chung: Bà thống nhất lời trình bày của ông K về tài sản chung gồm có: Một căn nhà xây tường, lợp tol ngang 7,2m; dài 6,3m và một mái chiều ngang 09m, dài 06m và phần đất diện tích 9.974m².

Ngoài ra, bà và ông K có tài sản chung là phần đất diện tích 28 công thuộc ấp HP, xã NH, huyện ĐD. Khi ông bà chung sống, cha mẹ ông K cho ông bà thuê khoảng 02 năm nhưng sau đó cho ông bà.

Bà yêu cầu chia đôi các tài sản trên, bà yêu cầu mỗi người nhận ½ diện tích đất, đồng ý giao nhà cho ông K sử dụng, ông K giao lại cho bà ½ giá trị.

Về nợ chung: Bà thống nhất nợ bà L 70.000.000đ, ông H 15 chỉ vàng 24k. Đối với khoản nợ bà U, bà chỉ thừa nhận có nợ 30.000.000đ, còn khoản nợ ông L 25.000.000đ bà không thừa nhận.

Bà đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

Bà Trần Thị L trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 11/4/2023: Ông K, bà T có nợ bà 70.000.000đ nên bà yêu cầu ông K, bà T trả số tiền trên cho bà.

Ông Huỳnh Hoàng H trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 11/4/2023: Ông K, bà T có nợ ông 15 chỉ vàng 24k nên ông yêu cầu ông K, bà T trả số tiền trên.

Ông Tạ Việt L trình bày: Ông có vay dùm ông K, bà T số tiền 25.000.000đ. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án đối với số nợ trên. Ngoài ra, bà U có cho ông K, bà T mượn 105.000.000đ. Ông yêu cầu ông K, bà T trả số tiền trên cho bà U.

Ngày 11/4/2023, bà L, ông H có đơn yêu cầu ông K, bà T trả số tiền nợ 70.000.000đ

Ngày 18/4/2023, ông H có đơn yêu cầu ông K, bà T trả 15 chỉ vàng 24k và bà U có đơn yêu cầu ông K, bà T trả 30.000.000đ.

Ông Trần Văn L là người đại diện Ban Quản lý rừng phòng hộ ĐD trình bày: Năm 2014, Ban quản lý ký hợp đồng giao khoán phần đất diện tích 9.974m² với ông K. Theo quy định, các hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đất lâm nghiệp không được tách thửa đất nên không được chia đất trên thực địa, chỉ được chia thành quả lao động. Do Ban quản lý giao khoán đất với ông K nên ông K được tiếp tục quản lý, sử dụng theo hợp đồng. Trường hợp ông K không tiếp tục sử dụng, ông thực hiện thanh lý hợp đồng giao khoán với Ban quản lý.

Tại phiên tòa:

Ông Diệp Hồng K trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung theo lời trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 11/4/2023, ông yêu cầu được nhận hiện vật, đồng ý trả giá trị cho bà T. Đối với khoản nợ bà L, bà U và ông H, ông đồng ý cùng bà T mỗi người có trách nhiệm trả 1/2 các khoản nợ trên.

Bà Lương Thị Kim T trình bày: Bà yêu cầu Tòa án chia cho ông K được hưởng một căn nhà, ông Khanh có trách nhiệm trả 1/2 giá trị cho bà. Đối với phần đất bà yêu cầu chia cho mỗi người được hưởng 1/2 diện tích của phần đất 9.974m² và phần đất 32.234,1m². Đối với các khoản nợ bà L, bà U và ông , bà yêu cầu chia đôi.

Ông Tạ Việt L trình bày: Ông yêu cầu ông K, bà T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà U 15.000.000đ.

Ông Huỳnh Hoàng H trình bày: Ông yêu cầu ông K, bà T mỗi người có trách nhiệm trả cho ông 7,5 chỉ vàng 24k.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà T về việc yêu cầu phân chia phần đất diện tích 32.234,1m². Chấp nhận yêu cầu phân chia phần đất diện tích 9.974m² và một căn nhà của ông K, bà T. Đất tọa lạc tại ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Giao phần đất và nhà cho ông K, buộc ông K có trách nhiệm thanh toán cho bà T 303.399.807đ. Chấp nhận yêu cầu của bà L, bà U và ông H. Buộc ông K, bà T mỗi

người trả cho bà L 35.000.000đ, bà U 15.000.000đ và ông H 7,5 chỉ vàng 24k. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông K, bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị L, ông Diệp Văn H và Ban Quản lý rừng phòng hộ ĐD có yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2023 và bản trích đo hiện trạng ngày 19/6/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam:

Phần đất tranh chấp có diện tích 10.311,4m², tọa lạc ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, có tứ cận: Hướng đông Giáp sông Giáo Bạch, cạnh M2M3 dài 31,14m; hướng tây giáp Nguyễn Tấn Đức, cạnh M1M4 dài 35,45m; hướng nam giáp phần đất còn lại của ông Khanh, cạnh M3M4 dài 309,74m; hướng bắc giáp Lê Hồng Khá, cạnh M1M2 dài 309,85m. Trên đất, có một công xỏ vuông và 1.000 cây đước.

Một căn nhà nằm trên phần đất diện tích 32.234,1m² thuộc thửa 382, Khoảnh 82, Tiểu khu 221, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, cụ thể: Nhà chính: Kết cấu cột kèo bê tông cốt thép, đòn tay kèo, vách tường, nhà trước lợp tol lạnh, nhà sau lợp tol tiplô xi măng, nền đất, hàng ba nền tráng xi măng, diện tích: Ngang phía trước 7,2m, phía sau 10,06m; dài 15,4m. Nhà phụ: Kết cấu khung gỗ địa phương, vách lá, nền đất, lợp tol tiplô xi măng; diện tích: ngang 10,06m; dài 4,8m.

Theo chứng thư thẩm định giá số CTCT1210523 ngày 27/7/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá Quốc tế Đông Dương thì phần đất có giá trị 402.844.189đ; công xỏ vuông có giá là 23.955.426đ; cây đước có giá là 5.000.000đ.

Đối với căn nhà ông Khanh và bà Thao thống nhất giá trị 175.000.000đ.

Tại phiên Tòa, bà T không thống nhất giá trị căn nhà theo thỏa thuận tại Biên bản hòa giải ngày 11/4/2023 nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh mức giá hai bên thỏa thuận là không phù hợp. Đồng thời, bà T cũng không có yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử căn cứ mức giá hai bên thỏa thuận là 175.000.000đ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 10.311,4m², tọa lạc ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau và một căn nhà trên phần đất diện tích 32.234,1m² là tài sản chung của ông K, bà T.

Xét yêu cầu chia phần đất diện tích 10.311,4m²: Ông K yêu cầu nhận đất và các tài sản trên đất và giao lại cho bà T ½ giá trị. Tại phiên Tòa, bà T yêu cầu

chia đôi phần đất, không đồng ý nhận toàn bộ đất với lý do không có khả năng hoàn trả giá trị cho ông K. Xét thấy: Ông K đang trực tiếp đứng tên đối với phần đất và có nhu cầu sử dụng đất. Tại biên bản ghi ý kiến của Ban Quản lý rừng thể hiện: Phần đất giao khoán cho cá nhân ông K, không được chia đất trên thực địa mà chỉ chia thanh quả lao động. Trường hợp, ông K không quản lý, sử dụng, ông phải thanh lý hợp đồng để Ban quản lý xem xét khoán cho hộ, gia đình cá nhân đủ điều kiện. Do đó, để đảm bảo việc sử dụng đất theo quy hoạch của đơn vị giao khoán, Hội đồng xét xử giao phần đất cho ông K tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp. Ông K được nhận đất và các tài sản trên đất nên có nghĩa vụ giao lại cho bà T $\frac{1}{2}$ giá trị theo định giá là 215.899.807đ.

Xét yêu cầu chia một căn nhà trên phần đất diện tích 32.234,1m²: Tại phiên Tòa, ông K, bà T thống nhất giao căn nhà cho ông K sử dụng, ông K giao lại giá trị cho bà T, xét thấy, thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao căn nhà cho ông K quản lý, sử dụng do bà T đang sử dụng nhà nên cần buộc bà T giao căn nhà nêu trên cho ông K, ông K có nghĩa vụ giao lại cho bà T $\frac{1}{2}$ giá trị là 85.500.000đ.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của bà L, ông H, ông H và bà U, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, ông K, bà T thừa nhận có nợ bà L và ông H 70.000.000đ, nợ ông H 15 chỉ vàng 24k và nợ bà U 30.000.000đ và đồng ý mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên. Xét thấy, việc ông K, bà T đồng ý trả các khoản nợ trên cho các chủ nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó chấp nhận yêu cầu của ông H và bà L, ông H và bà U. Buộc ông K, bà T mỗi người trả cho ông H, bà L 35.000.000đ; trả cho ông H 7,5 chỉ vàng 24k, trả cho bà U 15.000.000đ.

Đối với số tiền nợ 25.000.000đ của ông L: Ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là phần đất 32.234,1m² của bà T: Ngày 14/4/2023, bà T có yêu cầu phản tố phân chia phần đất trên nhưng đến ngày 24/5/2023 bà rút yêu cầu và tại phiên tòa bà không yêu cầu phân chia. Xét việc bà T rút yêu cầu phân chia phần đất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản chung đối với phần đất trên của bà T.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông K và bà T mỗi người phải chịu (215.899.807đ + 85.500.000đ) - (35.000.000đ + 15.000.000đ + (7,5 chỉ vàng 24k x 5.700.000đ/chỉ)) x 5% = 10.432.000đ.

Ông K đã nộp tạm ứng án phí 1.844.000đ đối trừ còn phải nộp tiếp số tiền 8.588.000đ. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 5.835.000đ đối trừ còn phải nộp tiếp số tiền 4.597.000đ.

Án phí trả nợ: Ông K và bà T mỗi người phải chịu: $(35.000.000đ + 15.000.000đ + (7,5 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5.700.000đ/\text{chỉ})) \times 5\% = 4.637.500đ$.

Ông H, bà U, ông H và bà L không phải chịu do yêu cầu được chấp nhận. Ông H, bà U đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

[7] Về chi phí tố tụng 17.505.000đ: Ông K và bà T mỗi người phải chịu 8.752.500đ, ông K đã nộp tạm ứng số tiền 17.505.000đ nên bà T có trách nhiệm trả lại cho ông K 8.752.500đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 207, Điều 219 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Diệp Hồng K về việc phân chia tài sản chung là một phần đất và một căn nhà.

Giao cho ông Diệp Hồng K được hưởng phần đất có diện tích 10.311,4m² thuộc thửa 233, Khoảnh 82, Tiểu khu 221, tờ bản đồ số 15 và các tài sản trên đất tọa lạc ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng đông Giáp sông Giáo Bạch, cạnh M2M3 dài 31,14m.

Hướng tây giáp Nguyễn Tấn Đức, cạnh M1M4 dài 35,45m.

Hướng nam giáp phần đất còn lại của ông Khanh, cạnh M3M4 dài 309,74m.

Hướng bắc giáp Lê Hồng Khá, cạnh M1M2 dài 309,85m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Giao cho ông Diệp Hồng K được hưởng một căn nhà nằm trên phần đất diện tích 32.234,1m² thuộc thửa 382, Khoảnh 82, Tiểu khu 221, tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, có hiện trạng như sau: Nhà chính: Kết cấu cột kèo bê tông cốt thép, đòn tay kẽm, vách tường, nhà trước lợp tol lạnh, nhà sau lợp tol tiplô xi măng, nền đất, hàng ba nền tráng xi măng, diện tích: Ngang phía trước 7,2m; phía sau 10,06m; dài 15,4m. Nhà phụ: Kết cấu khung gỗ địa phương, vách lá, nền đất, lợp tol tiplô xi măng; diện tích: ngang 10,06m; dài 4,8m.

Buộc bà Lương Thị Kim T có nghĩa vụ giao lại phần đất, các tài sản trên đất

và căn nhà nêu trên cho ông K.

Buộc ông Diệp Hồng K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lương Thị Kim T số tiền 303.399.807đ (Ba trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín nghìn tám trăm lẻ bảy đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Lương Thị Kim T về việc yêu cầu phân chia phần đất diện tích 32.234,1m² tọa lạc tại ấp HP, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Diệp Văn H và bà Trần Thị L. Buộc ông Diệp Hồng K, bà Lương Thị Kim T mỗi người trả cho ông Diệp Văn H và bà Trần Thị L 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Hoàng H. Buộc ông Diệp Hồng K, bà Lương Thị Kim T mỗi người trả cho ông Huỳnh Hoàng H 7,5 chỉ vàng 24k (bảy chỉ năm phân vàng hai mươi bốn kara).

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Diệp Mỹ U. Buộc ông Diệp Hồng K, bà Lương Thị Kim T mỗi người trả cho bà Diệp Mỹ U 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Diệp Hồng K phải chịu 15.069.500đ (mười lăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.844.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013821 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Ông K còn phải nộp tiếp số tiền 13.225.500đ (mười ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Bà Lương Thị Kim T phải chịu 15.069.500đ (mười lăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.835.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014010 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền 9.234.500đ (chín triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Ông Huỳnh Hoàng H không phải chịu, hoàn trả lại cho ông H số tiền 1.054.000đ (một triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013980 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Diệp Mỹ U không phải chịu, hoàn trả lại cho bà U số tiền 370.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013981 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Diệp Văn Hảo và bà Trần Thị Liễu không phải chịu.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Diệp Hồng K và bà Lương Thị Kim T mỗi người phải chịu 8.752.500đ (tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Buộc bà Lương Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh K 8.752.500đ (tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

?